SỞ GD&ĐT ……….. **KỲ THI CHỌN HSG VĂN HÓA LỚP 11**

**TRƯỜNG THPT …………… Khóa thi ngày 11 tháng 4 năm 2023**

**Môn thi: ĐỊA LÍ**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

(Đề có 01 trang)

*Thời gian làm bài: 180 phút, không kể thời gian giao đề*

**Câu 1.** *(3,5 điểm)*

a) Phân tích ảnh hưởng của khí áp và dòng biển đến lượng mưa trên Trái Đất.

b) Tại sao tính địa đới của sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất bị phá vỡ?

**Câu 2.** *(3,5 điểm)*

a) Trình bày hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Giải thích tại sao có sự luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất.

b) Kể tên các đai khí áp trên Trái Đất. Giải thích tại sao trong thực tế các đai khí áp không liên tục?

**Câu 3*.*** *(2,5 điểm)*

Tại sao có sự khác nhau về tỉ suất sinh giữa các quốc gia trên thế giới? Nêu thuận lợi và khó khăn của cơ cấu “dân số vàng” tại Việt Nam.

**Câu 4*.*** *(3,5 điểm)*

a) Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản nước ta.

b)Việc đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ ở nước ta có ý nghĩa gì về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng?

**Câu 5.** *(4,5 điểm)*

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

a) Nêu mối quan hệ tác động qua lại giữa địa hình và mạng lưới sông ngòi ở nước ta. Giải thích chế độ nước của sông ngòi Trung Bộ.

b) Hướng Tây Bắc - Đông Nam của dãy Trường Sơn có ảnh hưởng như thế nào tới khí

hậu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

**Câu 6.** *(2,5 điểm)*

Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI CỦA NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2015 – 2020

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Thịt trâu | 85,8 | 88,0 | 94,5 | 96,7 |
| Thịt bò | 299,7 | 321,7 | 355,3 | 373,6 |
| Gia cầm | 908,1 | 1031,9 | 1302,5 | 1504,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020.

----------HẾT----------

*\* Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).*

*\* Không được sử dụng các tài liệu khác.* *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

*Họ và tên thí sinh:…………………………………………Số báo danh:……………….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** | **Điểm** |
| **1**  **(3,5 đ)** | **a. Phân tích ảnh hưởng của khí áp và dòng biển đến lượng mưa trên Trái Đất.** | **2,0** |
| \* Khí áp:  - Các khu khí áp thấp hút gió và tiếp tục đẩy không khí ẩm lên cao sinh ra mây, mây gặp nhiệt độ thấp sinh ra mưa. Các khu áp thấp thường là nơi có lượng mưa lớn trên Trái Đất.  - Các khu khí áp cao, không khí ẩm không bốc lên được lại chỉ có gió thổi đi, không có gió thổi đến, nên mưa rất ít hoặc không có mưa. Vì thế, dưới các cao áp cận chí tuyến thường có những hoang mạc lớn.  \* Dòng biển:  - Những nơi có dòng biển nóng chảy qua thì mưa nhiều vì không khí trên dòng biển nóng chứa nhiều hơi nước, gió mang hơi nước vào lục địa gây mưa.  *-* Nơi có dòng biển lạnh đi qua thì mưa ít vì không khí trên dòng biển bị lạnh, hơi nước không bốc lên được, nên một số nơi mặc dù ở ven bờ đại dương nhưng vẫn là miền hoang mạc…  *(Nếu HS chỉ nêu mà không phân tích được thì cho ½ số điểm)* | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **b. Tại sao tính địa đới của sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất bị phá vỡ?** | **1,5** |
| - Ảnh hưởng của các dòng biển (dòng biển nóng đi qua có mưa, ngược lại dòng biển lạnh đi qua mưa ít).  - Ảnh hưởng của địa hình (độ cao, hướng sườn) và tính chất mặt đệm (sự phân bố mặt đệm là lục địa hay đại dương).  - Gió và khí áp: gió Tây ôn đới mưa nhiều, gió Mậu dịch mưa ít, các dãi cao áp mưa ít, áp thấp mưa nhiều. | 0,5  0,5  0,5 |
| **2**  **(3,5 đ)** | **a) Trình bày hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Giải thích vì sao có sự luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất.** | **2,0 đ** |
| \* Nêu hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất:  - Sự luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất.  - Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.  - Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.  \* Giải thích sự luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất:  - Do hình dạng khối cầu nên Trái Đất luôn được chiếu sáng một nửa, một nửa không được chiếu sáng nên sinh ra hiện tượng ngày, đêm.  - Do Trái Đất tự quay quanh trục, nên mọi nơi trên Trái Đất lần lượt được Mặt Trời chiếu sáng rồi lại chìm vào bóng tối gây nên hiện tượng luân phiên ngày, đêm trên Trái Đất. | 0,5  0,25  0.25  0.5  0.5 |
| **b) Kể tên các đai khí áp trên Trái Đất. Giải thích tại sao trong thực tế các đai khí áp không liên tục?** | **1,5 đ** |
| \* Kể tên: Có 7 đai khí áp trên Trái Đất :  - 1 đai áp thấp xích đạo,  - 2 đai áp cao cận chí tuyến,  - 2 đai áp thấp ôn đới và  - 2 đai áp cao cận cực.  \* Các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt do sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **3**   1. **(3,5 đ)** | **Tại sao có sự khác nhau về tỉ suất sinh giữa các quốc gia trên thế giới? Nêu thuận lợi và khó khăn của cơ cấu “dân số vàng” tại Việt Nam.** | **2,5 đ** |
| \* Có sự khác nhau về tỉ suất sinh giữa các quốc gia trên thế giới vì:  - Tỉ suất sinh khác nhau là kết quả tác động của nhiều nhân tố  + Tự nhiên sinh học: Phụ thuộc tuổi kết hôn, kết cấu dân số, số người phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ  + Tâm lí xã hội, tập quán: Quan niệm đông con, con trai, ….  + Trình độ phát triển KTXH: Mức sống cao hay thấp thường tỉ lệ nghịch với tỉ lệ sinh  + Chính sách dân số: Khuyến khích hoặc hạn chế mức sinh tùy từng QG  - Với mỗi QG trên TG tùy nhân tố tác động là khác nhau nên tỉ suất sinh khác nhau  \* Thuận lợi và khó khăn của cơ cấu “dân số vàng “tại Việt Nam:  - Thuận lợi  + Có lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn  + Chi phí cho số người phụ thuộc thấp  + Chất lượng lao động tăng, tạo sức hút các nhà đầu tư…  - Khó khăn: Gây sức ép lớn tới việc làm, giáo dục, y tế, sử dụng hợp lí tài nguyên… | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,50 |
| **4**  **(3,5 đ)** | **a. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy phân tích những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản nước ta.** | **2,5 đ** |
| **\* Thuận lợi:**  - Điều kiện tự nhiên:  + Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.  + Có 4 ngư trường trọng điểm *(dẫn chứng).*  + Nguồn thủy sản rất phong phú cắt *(dẫn chứng).*  + Dọc bờ biển có nhiều vũng – vịnh, đầm phá, các rừng ngập mặn có khả năng nuôi trồng hải sản.  + Có nhiều sông suối, kênh rạch,.. có thể nuôi thủy sản nước ngọt.  - Điều kiện xã hội:  + Ngư dân có kinh nghiệm đánh bắt và nuôi trồng thủy sản  + Tàu thuyền, ngư cụ, các phương tiên đánh bắt được đổi mới.  + Nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển, thị trường tiêu thụ mở rộng.  **\* Khó khăn:**  - Hàng năm có 9 đến 10 cơn bão, gió mùa đông bắc thổi về làm giảm số ngày ra khơi của ngư dân. Môi trường nước bị ô nhiễm làm suy giảm số lượng thủy sản.  - Tàu thuyền tuy được đổi mới nhưng còn chậm, hệ thống cảng cá chưa đáp ứng được nhu cầu. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b. Việc đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ ở nước ta có ý nghĩa gì về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng?** | **1,0 đ** |
| - Tăng hiệu quả kinh tế (do vùng biển ngoài xa vẫn còn nhiều nguồn lợi hải sản quan trọng).  - Góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa, khẳng định chủ quyền   của nước ta trên biển. | 0,5  0,5 |
| **5**  **(3,5 đ)** | **a) Nêu mối quan hệ tác động qua lại giữa địa hình và mạng lưới sông ngòi ở nước ta. Giải thích chế độ nước của sông ngòi Trung Bộ.** | **2,5 đ** |
| **\*** Mối quan hệ tác động qua lại giữa địa hình và mạng lưới sông ngòi ở nước ta:  **-** Địa hình tác động đến mạng lưới sông ngòi: + Hướng của địa hình quy định hướng của sông ngòi *(dẫn chứng).*  + Độ dốc của địa hình ảnh hưởng đến tốc độ dòng chảy của sông ngòi *(dẫn chứng),...*  *-*Mạng lưới sông ngòi tác động đến địa hình: + Sông ngòi làm hạ thấp địa hình vùng đồi núi thông qua hoạt động xâm thực, làm địa hình nước ta bị chia cắt *(dẫn chứng),...*  + Sông ngòi giữ vai trò quyết định trong việc hình thành các đồng bằng thông qua quá trình bồi tụ *(dẫn chứng).*  \* Giải thích chế độ nước của sông ngòi Trung Bộ.  - Tổng lượng nước khá lớn; phân thành 2 mùa, mùa lũ lệch vào thu - đông, tháng đỉnh lũ thường vào tháng 10, 11. Do phụ thuộc vào chủ yếu vào chế độ mưa …  - Đặc điểm lũ: lên nhanh rút nhanh. Do sông ngòi ngắn, độ dốc lớn, mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn … | 0,5  0,25  0,5  0,25  0,5  0,5 |
| **b) Hướng Tây Bắc - Đông Nam của dãy Trường Sơn có ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?** | **2,0 đ** |
| **\*** Vào mùa hạ: - Gây ra hiện tượng Phơn. Do gió mùa Tây Nam thổi từ vịnh Bengan đến nước ta, sau khi gây mưa cho sườn đón gió (sườn Tây), gió vượt núi và hình thành gió Tây khô nóng (gió Lào) có bản chất do hiệu ứng Phơn.  - Tác động tới thời tiết rất khô, nóng.  **\*** Vào mùa đông: - Gây ra mưa lớn. Do mùa đông chịu tác động của gió mùa Đông Bắc, hướng gió gần như vuông góc với hướng địa hình nên gây mưa.  - Tác động tới thời tiết: Lạnh và ẩm, nhiều nơi có lượng mưa rất lớn (Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế,...) | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **6**  **(2,5 đ)** | **Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020.** | **2,5 đ** |
| \* Xử lí số liệu:  TỐC ĐỘTĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG  MỘT SỐ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 -2020  *(Đơn vị:%)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | | Thịt trâu | 100 | 102,6 | 110,1 | 112,7 | | Thịt bò | 100 | 107,3 | 118,6 | 124,7 | | Gia cầm | 100 | 113,6 | 143,4 | 165,7 |   \* Nhận xét:  - Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta giai đoạn 2015-2020 có xu hướng tăng liên tục. 05  - Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta có sự khác nhau:  + Gia cầm có tốc độ tăng nhanh nhất *(dẫn chứng)*.  + Thịt bò có tốc độ tăng nhanh thứ 2 *(dẫn chứng)*  + Thịt trâu tăng chậm nhất *(dẫn chứng)*.  \* Giải thích:  - Nước ta thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển chăn nuôi; thị trường tiêu thụ rộng lớn; cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo...  - Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi nước ta có sự khác nhau:  + Gia cầm: do đây là nguồn cung cấp thịt chủ yếu, cơ sở thức ăn phong phú, nhu cầu thị trường rất lớn...  + Thịt bò do nhu cầu thị trường ngày càng tăng.  + Thịt trâu do nhu cầu thị trường ít hơn. | 0,50  0,25  0,50  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | ***Tổng 20 điểm*** |  |